

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 75/2026/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Xét Tờ trình số 311/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 76/BC-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo số 318/BC-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm tra và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn thành phố Hà Nội (Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo);

2. Chế độ chi tiêu hoạt động của Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng

Hà Nội và các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo*);

3. Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong các đơn vị kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục III kèm theo*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội.

2. Các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội.

3. Cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ Lão thành cách mạng, cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và một số đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn Thành phố.

4. Các tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong các đơn vị kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Văn phòng Thành ủy, các cơ quan thuộc Thành ủy phối hợp tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Đối với nội dung chi của các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định

tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận: Su

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc, các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Văn phòng UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP Hà Nội;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục I
QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC
ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HÀ NỘI
QUẢN LÝ, CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG, CÁN BỘ
TIỀN KHỎI NGHĨA ĐANG CƯ TRÚ VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG
HƯỞNG CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm
2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)



TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
I	Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ nghỉ điều dưỡng, chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế, chế độ hỗ trợ chi phí tổ chức lễ tang và xây mộ, chế độ phúng viếng		
I	Điều dưỡng tập trung	Mức chi thanh toán theo thực tế	
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (nghỉ hưu)	01 lần/năm (07 ngày)	
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (nghỉ hưu)	01 lần/năm (07 ngày)	
c	Nhóm 3: Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (nghỉ hưu). Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (chức danh nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động) và các chức danh cũ khác nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động bổ sung hưởng chế độ.	01 lần/năm (05 ngày)	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
d	Nhóm 4: Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư Đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (nghỉ hưu); Phó Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (bổ sung bảo lưu các chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động hưởng chế độ).	01 lần/năm (05 ngày)	
d	Nhóm 5: Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường). (Nghỉ hưu). Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi Quyết định số 05-QĐ/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (Bổ sung bảo lưu hưởng chế độ) (nghỉ hưu)	01 lần/năm (05 ngày)	
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội	01 lần/năm (07 ngày)	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội	01 lần/năm (05 ngày)	
2	Điều dưỡng tại nhà		
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung).	5.000.000 đồng/năm	
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung).	4.000.000 đồng/năm	
c	Nhóm 3: Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung). Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (chức danh nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động) và các chức danh cũ khác nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động bổ sung hưởng chế độ (Không đi điều dưỡng tập trung).	3.000.000 đồng/năm	
d	Nhóm 4: Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban	2.500.000 đồng/năm	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
	nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư Đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung); Phó Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (bổ sung bảo lưu các chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động đơn vị hưởng chế độ) (không đi điều dưỡng tập trung).		
đ	Nhóm 5: Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường) (cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung). Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi Quyết định số 05-QĐ/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (Bổ sung bảo lưu hưởng chế độ) (cán bộ nghỉ hưu không đi điều dưỡng tập trung).	1.500.000 đồng/năm	
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội (không đi điều dưỡng tập trung)	4.000.000 đồng/năm	
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội (không đi điều dưỡng tập trung)	2.500.000 đồng/năm	
3	Chế độ thăm hỏi ốm đau khi điều trị tại các cơ sở y tế		
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.500.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.000.000 đồng/người/lần	
c	Nhóm 3: Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu). Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (chức danh nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động) và các chức danh cũ khác nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động bổ sung hưởng chế độ.	Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 3.000.000 đồng/người/lần	
d	Nhóm 4: Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư Đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu); Phó Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (bổ sung bảo lưu các chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01	Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.500.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
	tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động đơn vị hưởng chế độ)		
	Nhóm 5: Các đồng chí là Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường). (đương chức và nghỉ hưu) Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi Quyết định số 05-QĐ/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (nghỉ hưu) (bổ sung bảo lưu hưởng chế độ).	Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội	Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 4.000.000 đồng/người/lần	
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường thuộc thành phố Hà Nội.	Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 3.000.000 đồng/người/lần	
i	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu). Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội nghỉ hưu (chức danh nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025)	Quà thăm trị giá 500.000 đồng/người/lần và tiền mặt bằng 2.000.000 đồng/người/lần	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
k	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội; Cán bộ, công chức, người lao động đã nghỉ hưu làm việc tại các Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (chức danh nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)	1.000.000 đồng/người/lần	
4	Chế độ hỗ trợ Lễ tang (ngoài mức kinh phí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam)		
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)		Thực hiện Thông tư số 74/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi phí và thực hiện việc cấp, quyết toán ngân sách Nhà nước phục vụ Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	40.000.000 đồng	
c	Nhóm 3: Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu).	30.000.000 đồng	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
	Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động) và các chức danh cũ khác nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động bổ sung hưởng chế độ.		
d	Nhóm 4: Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư Đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu); Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Phó Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở (bổ sung bảo lưu tất cả các chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động đơn vị hưởng chế độ).	25.000.000 đồng	
đ	Nhóm 5: Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường) (đương chức và nghỉ hưu); Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi Quyết định số 05-QĐ/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (bảo lưu hưởng chế độ)	15.000.000 đồng	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng (trừ cán bộ Lão thành cách mạng được tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất) đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội	40.000.000 đồng	
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường thuộc thành phố Hà Nội.	25.000.000 đồng	
5	Chế độ phúng viếng		
a	Nhóm 1: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	4.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
b	Nhóm 2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trợ lý của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (đương chức và nghỉ hưu)	4.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
c	Nhóm 3: Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố; Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu). Bí thư quận, huyện, thị ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025); Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (chức danh nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động) và các chức danh cũ khác nghỉ hưu trước khi đơn vị kết thúc hoạt động bổ sung hưởng chế độ.	3.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
d	Nhóm 4: Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ cơ quan Đảng, Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố); Phó Bí thư Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Thành phố; Bí thư Đảng ủy xã, phường thuộc Thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (đương chức và nghỉ hưu); Phó Bí thư Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư quận, huyện, thị ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và tất cả các chức danh nghỉ hưu khi kết thúc hoạt động của đơn vị bổ sung bảo lưu hưởng chế độ)	3.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
đ	Nhóm 5: Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thuộc Thành phố; Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Tổng giám đốc 04 Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (không bao gồm Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường); (đương chức và nghỉ hưu). Ủy viên Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (chức danh khi nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và tất cả các chức danh cũ trước khi kết thúc hoạt động bảo lưu hưởng chế độ); Phó Tổng giám đốc các Tổng công ty Nhà nước thuộc Thành phố; Cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Thành phố (chức danh khi nghỉ hưu trước khi Quyết định số 05-QĐ/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy có hiệu lực) và các đối tượng còn lại thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý bảo lưu hưởng chế độ.	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
e	Nhóm 6: Cán bộ Lão thành cách mạng đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường trực thuộc thành phố Hà Nội	4.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
g	Nhóm 7: Cán bộ Tiền khởi nghĩa đang cư trú và hưởng chế độ trợ cấp tại các xã, phường thuộc thành phố Hà Nội	3.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
h	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên; Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm a, b, c, d, đ	2.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 1.500.000 đồng
i	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội (đương chức và nghỉ hưu). Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội nghỉ hưu (chức danh nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)	2.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
k	Cán bộ, công chức, người lao động (kể cả người đã nghỉ hưu) làm việc tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan đảng Thành phố, Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội. Cán bộ, công chức, người lao động đã nghỉ hưu làm việc tại các Đảng ủy khối, quận ủy, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội (Chức danh nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và kết thúc hoạt động)	2.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
l	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm i	1.500.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
m	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của cán bộ giữ các chức danh nêu tại điểm k	1.000.000 đồng/người và 01 vòng hoa	Vòng hoa tối đa 800.000 đồng
II	Quy định chế độ tiền thưởng kèm theo Huy hiệu từ 70 năm tuổi Đảng trở lên (Mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng sau khi nhân với hệ số tiền lương cơ sở được làm tròn lên số hàng trăm nghìn đồng)		
1	Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng	9,5 lần mức lương cơ sở	Đã bao gồm mức chi theo quy định tại Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27 tháng 10 năm 2015 về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình
2	Huy hiệu 75 năm tuổi Đảng	14 lần mức lương cơ sở	

TT	Đối tượng	Mức chi	Ghi chú
3	Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng	19 lần mức lương cơ sở	thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên; Văn bản số 919-CV/VPTW/nb ngày 21 tháng 11 năm 2016 quy định mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 45 năm, 85 năm và 90 năm tuổi Đảng
4	Huy hiệu 85 năm tuổi Đảng	23,5 lần mức lương cơ sở	
5	Huy hiệu 90 năm tuổi Đảng	28 lần mức lương cơ sở	

- Trường hợp một cán bộ thuộc nhiều nhóm đối tượng thì chỉ được hưởng một chế độ cao nhất.
- Trường hợp các chức danh thuộc quận, huyện, thị đã nghỉ hưu trước 01 tháng 7 năm 2025 và các chức danh thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã nghỉ hưu trước khi kết thúc hoạt động thì được bảo lưu hưởng chế độ.

Phụ lục II

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH THAM MƯU, GIÚP VIỆC
CỦA THÀNH ỦY; ĐẢNG ỦY CÁC CƠ QUAN ĐẢNG THÀNH PHỐ;
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, ĐẢNG ỦY CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HÀ NỘI; CÁC ĐẢNG ỦY XÃ,
PHƯỜNG THUỘC ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

TT	Nội dung	Mức chi
1	Chi xây dựng, thẩm định các văn bản trình cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy đối với Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội; các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	
1.1	Chi xây dựng văn bản	
a	Đối với văn bản mới	
-	Văn bản do cấp ủy quyết định ban hành	
	+ Nghị quyết, quy chế, quy định	
	. Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án	25.000.000 đồng/văn bản
	. Trường hợp không giao xây dựng đề án	20.000.000 đồng/văn bản
	+ Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện	20.000.000 đồng/văn bản
-	Văn bản do Ban Thường vụ cấp ủy quyết định ban hành	
	+ Nghị quyết, quy chế, quy định	
	. Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án	20.000.000 đồng/văn bản
	. Trường hợp không giao xây dựng đề án	15.000.000 đồng/văn bản
	+ Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện	15.000.000 đồng/văn bản
b	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung	<i>Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, tổng mức kinh phí bằng 60% văn bản mới</i>

TT	Nội dung	Mức chi
1.2	Chi thẩm định văn bản	
<i>a</i>	<i>Văn bản trình cấp ủy</i>	
-	Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định	
	+ Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án	7.500.000 đồng/văn bản
	+ Trường hợp không giao xây dựng đề án	6.000.000 đồng/văn bản
-	Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện	6.000.000 đồng/văn bản
<i>b</i>	<i>Văn bản trình Ban Thường vụ cấp ủy</i>	
-	Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định	
	+ Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án	6.000.000 đồng/văn bản
	+ Trường hợp không giao xây dựng đề án	5.000.000 đồng/văn bản
-	Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện	5.000.000 đồng/văn bản
<i>c</i>	<i>Văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản</i>	<i>Bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên</i>
2	Chi xây dựng một số văn bản khác trình cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy	
2.1	Đối với Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố	
-	Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy; báo cáo tổng kết năm của cấp ủy; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của cấp ủy	5.000.000 đồng/báo cáo
2.2	Đối với Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội; các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội;	

TT	Nội dung	Mức chi
-	Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của cấp ủy	15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo
-	Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của cấp ủy; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương	7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo
-	Xây dựng chương trình làm việc năm của cấp ủy	3.500.000 đồng/chương trình
-	Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy	2.500.000 đồng/văn bản
-	Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy; báo cáo tổng kết năm của cấp ủy; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của cấp ủy	5.000.000 đồng/báo cáo
3	Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy đối với Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội; các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	
-	Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý	15.000.000 đồng/đoàn (tổ)
-	Đoàn giải quyết tố cáo	10.000.000 đồng/đoàn (tổ)
-	Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng	8.000.000 đồng/đoàn (tổ)
4	Chi hội nghị đối với các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	
-	Hội nghị cấp ủy, hội nghị do ban thường vụ cấp ủy triệu tập và chủ trì (không bao gồm hội nghị thường kỳ của ban thường vụ)	300.000 đồng/người/ngày
-	Hội nghị tổng kết năm theo ngành của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy	200.000 đồng/người/ngày

TT	Nội dung	Mức chi
5	Chi trang phục đối với Đảng ủy các trường Đại học và Cao đẳng Hà Nội; các Đảng ủy xã, phường trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội	
-	Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy	1.000.000 đồng/người/năm
-	Cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc tại Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội; các Đảng ủy xã, phường	1.000.000 đồng/người/năm
6	Chi chế độ tặng quà lưu niệm	
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố; Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội và các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội khi nghỉ hưu.	1.000.000 đồng/người
-	Cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố; Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội và các Đảng ủy xã, phường thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội khi chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị không thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng.	500.000 đồng/người

Phụ lục III
QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

TT	Nội dung	Mức chi
I	Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức Đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân	
1	Chi hỗ trợ thành lập mới - Đối tượng áp dụng cho Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố; Đảng ủy các xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội. - Nội dung chi bao gồm: Hỗ trợ khảo sát tình hình thực tế tại đơn vị, hỗ trợ đi lại của cán bộ; tuyên truyền, vận động, tổ chức thành lập; hỗ trợ cho các tổ chức Đảng mới thành lập,... nhằm phát triển được tổ chức Đảng mới trong các đơn vị kinh tế tư nhân ¹	32.000.000 đồng/1 tổ chức Đảng thành lập mới
2	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động (Nội dung chi: hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cơ sở Đảng (văn phòng phẩm, thông tin, tuyên truyền, chi hội nghị, chi công tác xây dựng Đảng và các chi phí đảng vụ khác,...) ² . Định mức chi như sau ³ :	
a	Đối với các tổ chức cơ sở Đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) trong các đơn vị kinh tế tư nhân	
-	Có 30 đảng viên trở xuống	24.000.000 đồng/chi bộ/năm
-	Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100	960.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 101 đến đảng viên thứ 200	800.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 201 đến đảng viên thứ 300	480.000 đồng/đảng viên/năm
-	Từ đảng viên thứ 301 trở lên	240.000 đồng/đảng viên/năm
b	Đối với các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở, Đảng ủy doanh nghiệp (tại những nơi thành lập) trực thuộc Đảng bộ xã, phường.	12.800.000 đồng/chi bộ/năm
3	Chi hỗ trợ cho cán bộ làm công tác đảng tại các đơn vị kinh tế tư nhân ⁴	
-	Ủy viên ban chấp hành chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở, Đảng ủy doanh nghiệp (tại những nơi thành lập) trực thuộc Đảng bộ xã, phường.	480.000 đồng/người/tháng

¹ Thường trực cấp ủy quyết định mức chi cụ thể cho các nội dung công việc, với tổng số chi hỗ trợ không vượt quá định mức nêu trên.

² Riêng khoản chi mua báo, tạp chí, tài liệu; chi khen thưởng; chi tổ chức đại hội đảng được thực hiện theo quy định, hướng dẫn chung của Trung ương Đảng.

³ Kinh phí hỗ trợ chi phí hoạt động và hỗ trợ cho cán bộ làm công tác đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân được ngân sách Thành phố bảo đảm theo nguyên tắc ngân sách cấp phần chênh lệch giữa dự toán chi được xác định theo định mức chi nêu trên với các nguồn thu theo quy định của Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định khác của Trung ương Đảng; quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

TT	Nội dung	Mức chi
II	Chế độ, định mức chi hỗ trợ tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong các đơn vị kinh tế tư nhân	
1	Chi hỗ trợ thành lập mới tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội - Đối tượng áp dụng: tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên. - Nội dung chi: hỗ trợ khảo sát tình hình thực tế tại đơn vị, hỗ trợ đi lại của cán bộ; tuyên truyền, vận động; tổ chức thành lập; hỗ trợ tổ chức lễ ra mắt, hỗ trợ cho tổ chức đoàn thể mới thành lập... ⁴	11.200.000 đồng/1 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội mới thành lập
2	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội	
a	Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội Liên hiệp Thanh niên trong các đơn vị kinh tế tư nhân tương đương cấp xã trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội.	
-	Tổ chức Đoàn Thanh niên trong các đơn vị kinh tế tư nhân (tương đương tổ chức Đoàn cấp xã).	80.000.000 đồng/đơn vị/năm
-	Hội Liên hiệp Thanh niên trong các đơn vị kinh tế tư nhân (tương đương tổ chức Hội cấp xã).	32.000.000 đồng/đơn vị/năm
b	Tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội Liên hiệp Thanh niên trong các đơn vị kinh tế tư nhân trực thuộc Đoàn Thanh niên - Hội Liên hiệp Thanh niên xã, phường.	
-	Tổ chức Đoàn Thanh niên trong các đơn vị kinh tế tư nhân (trực thuộc tổ chức Đoàn cấp xã)	16.000.000 đồng/đơn vị/năm
-	Hội Liên hiệp Thanh niên trong các đơn vị kinh tế tư nhân (trực thuộc tổ chức Hội cấp xã).	8.000.000 đồng/đơn vị/năm
3	Chi hỗ trợ cán bộ làm công tác đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân.	
a	Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên trong các đơn vị kinh tế tư nhân tương đương cấp xã trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội.	
-	Bí thư Đoàn Thanh niên (tương đương cấp xã).	960.000 đồng/người/tháng
-	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên (tương đương cấp xã).	640.000 đồng/người/tháng
b	Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên trong các đơn vị kinh tế tư nhân trực thuộc cấp xã.	
-	Bí thư Đoàn cơ sở	400.000 đồng/người/tháng
-	Phó Bí thư Đoàn cơ sở	240.000 đồng/người/tháng

⁴ Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội quyết định mức chi cụ thể cho các nội dung công việc, với tổng số chi không quá định mức nêu trên.

TT	Nội dung	Mức chi
c	Đối với tổ chức Công đoàn	Chế độ phụ cấp cán bộ Công đoàn cơ sở tại các đơn vị kinh tế tư nhân thực hiện theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Trường hợp tổ chức Công đoàn tại các đơn vị kinh tế tư nhân gặp khó khăn về kinh phí, không thể chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn, thì được ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở, với mức chi bằng 50% mức phụ cấp theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.